

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301225328, đăng ký lần đầu ngày 18/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/07/2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BVN.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2024: 50.000.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 38992667 – 38992668
- Fax : (028) 38992861
- Email : bongvietnamvcc@gmail.com

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi. Cho thuê văn phòng;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Văn Dũng	Chủ tịch	12/04/2023	
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên	12/04/2023	
Bà Trương Thị Dung	Thành viên	12/04/2023	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Nguyên Dương	Trưởng ban	12/04/2023	
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên	12/04/2023	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Văn	P.Tổng Giám đốc	01/01/2023	
Bà Nguyễn Phương Thảo	P.Tổng Giám đốc	01/06/2023	
Ông Lê Xuân Hòa	Kế toán trưởng	10/03/2020	

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc, tất cả các hoạt động liên quan trong năm tài chính đều do Chủ tịch HĐQT Công ty điều hành.

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 43.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRƯƠNG VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025



Số: 19/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2024)	Số đầu năm (ngày 01/01/2024)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.143.336.146	15.752.821.647
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.675.288.257	1.537.555.118
111	1. Tiền		2.675.288.257	1.537.555.118
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.12a	24.109.370.466	3.315.600.720
121	1. Chứng khoán kinh doanh		27.309.060.717	3.318.552.720
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.199.690.251)	(2.952.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.759.252.431	10.058.767.583
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	16.813.203.684	17.219.288.107
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.995.271.751	11.066.918.668
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	5.283.356.765	5.121.012.878
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(23.604.359.477)	(23.620.231.778)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		271.779.708	271.779.708
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	578.217.375	242.308.998
141	1. Hàng tồn kho		578.217.375	242.308.998
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.207.617	598.589.228
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	14.001.665	39.596.117
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		132.300	291.032.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	7.073.652	267.960.288
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		91.068.781.585	92.592.469.539
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		43.353.911.904	45.662.472.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	41.609.894.666	44.341.757.293
222	- Nguyên giá		92.011.120.598	84.500.884.249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.401.225.932)	(40.159.126.956)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	1.744.017.238	1.320.715.639
228	- Nguyên giá		2.342.928.266	1.926.168.015
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(598.911.028)	(605.452.376)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	20.309.236.924	24.009.577.508
231	- Nguyên giá		62.450.451.495	61.259.298.718
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.141.214.571)	(37.249.721.210)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		20.706.705.386	16.101.068.537
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	20.706.705.386	16.101.068.537
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12b	5.934.308.606	6.023.278.983
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.524.366.514	6.524.366.514
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.189.483.647	2.189.483.647
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.779.541.555)	(2.690.571.178)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		764.618.765	796.071.579
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	746.824.690	796.071.579
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		17.794.075	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		123.212.117.731	108.345.291.186

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2024)	Số đầu năm (ngày 01/01/2024)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.567.652.195	16.532.014.513
310	I. Nợ ngắn hạn		10.374.167.595	16.532.014.513
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	724.335.863	756.596.356
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	239.212.490	240.736.675
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.600.676.129	372.120.915
314	4. Phải trả người lao động	V.16	264.008.565	276.988.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	381.474.139	358.053.786
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	90.918.182
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	5.472.941.120	11.571.579.036
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	1.650.000.000	2.823.502.124
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	41.519.289	41.519.289
330	II. Nợ dài hạn		6.193.484.600	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	6.193.484.600	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		106.644.465.536	91.813.276.673
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	106.644.465.536	91.813.276.673
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.308.150.950	5.308.150.950
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.370.844.187	31.539.655.324
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.539.655.324	14.632.100.304
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.831.188.863	16.907.555.020
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		4.965.470.399	4.965.470.399
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		123.212.117.731	108.345.291.186

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị






LÊ XUÂN HÒA

LÊ XUÂN HÒA

TRƯƠNG VĂN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	50.729.698.023	49.378.345.344
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	50.729.698.023	49.378.345.344
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	21.334.761.926	19.978.192.310
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.394.936.097	29.400.153.034
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.878.434.825	458.488.377
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.622.216.048	1.279.168.037
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		212.364.200	1.274.126.424
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	275.472.451	82.526.816
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	8.812.364.816	7.631.952.604
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.563.317.607	20.864.993.954
31	11. Thu nhập khác	VI.7	275.396.442	3.439.964
32	12. Chi phí khác	VI.8	152.952.931	278.383.071
40	13. Lợi nhuận khác		122.443.511	(274.943.107)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.685.761.118	20.590.050.847
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	3.872.366.330	3.487.495.827
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.16	(17.794.075)	195.000.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.831.188.863	16.907.555.020
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	2.966	3.382
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	2.966	3.382

Người lập biểu

LÊ XUÂN HÒA

Kế toán trưởng

LÊ XUÂN HÒA

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


TRƯƠNG VĂN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		87.903.287.454	55.821.860.747
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(65.740.101.772)	(11.756.620.270)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.746.341.752)	(3.175.523.446)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.18, VI.4	(76.486.600)	(2.071.094.076)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(3.542.763.395)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.237.226.560	4.444.000.956
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.576.921.640)	(8.055.867.329)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.457.898.855	35.206.756.582
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.185.639.626)	(16.965.565.115)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	227.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	39.396.034	424.209.897
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.146.243.592)	(16.314.082.491)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(1.173.502.124)	(20.010.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(420.000)	(17.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.173.922.124)	(20.027.100.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		1.137.733.139	(1.134.425.909)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.537.555.118	2.671.981.027
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	2.675.288.257	1.537.555.118

Người lập biểu

LÊ XUÂN HÒA

Kế toán trưởng

LÊ XUÂN HÒA

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRƯƠNG VĂN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301225328, đăng ký lần đầu ngày 18/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/07/2022.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: kinh doanh điện mặt trời; kinh doanh dịch vụ cho thuê kho, văn phòng....

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi. Cho thuê văn phòng;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2024	
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	Thôn Hòn Nghê, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất sợi, dệt vải, sản xuất hàng dệt khác và hoàn thiện sản phẩm dệt	49,81%	49,81%

Công ty có 5 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

- Chi nhánh tại Gia Lai: Thôn 7, Xã IaBlang, H. Chư Sê, Gia Lai
- XN Dịch vụ thương mại Ngành Bông: 69/1/3 Nguyễn Gia Trí, P.25, Q.Bình Thạnh, HCM
- Chi nhánh tại Nha Trang: Thôn Hòn Nghê, Xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh tại Bình Dương: Ấp 2, X. Thới Hòa, H. Bến Cát, Bình Dương
- Chi nhánh tại Đồng Nai: Ấp Thanh Hóa, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2024 Công ty có 26 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2024 là 23 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Tăng, giảm số dư dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí tư vấn, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất thuê được phân bổ theo thời gian thuê đất.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản khác	06 – 08

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20
Hệ thống điện, nước, PCCC, trạm biến áp,.....	06 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	190.815.577	196.758.130
Tiền gửi ngân hàng	2.484.472.680	1.340.796.988
Cộng	<u><u>2.675.288.257</u></u>	<u><u>1.537.555.118</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.813.203.684	17.219.288.107
- Công ty TNHH TMSX Minh Quân	7.541.473.586	7.541.473.586
- Công ty CP SXTM San Hoàng	3.554.173.224	3.554.173.224
- Điện lực Đồng Nai	118.215.982	161.615.101
- Điện lực Gia Lai	164.043.377	194.414.930
- Điện lực Bến Cát	130.318.888	164.695.559
- Công ty TNHH Sản xuất NN Xanh Tây Nguyên	346.500.000	-
- Các đối tượng khác	4.958.478.627	5.602.915.707
Cộng	<u>16.813.203.684</u>	<u>17.219.288.107</u>

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán đến ngày 31/12/2024 là 14.704.772.048 đồng

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	3.059.000	-
- Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	3.059.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5.992.212.751	11.066.918.668
- Công ty Công nghệ Gien Trung Quốc	4.165.600.000	4.165.600.000
- Mai Thị Ngọc Hiệp	-	5.600.000.000
- Công ty TNHH TM & KT CĐ Sao Việt	1.058.790.083	-
- Các đối tượng khác	767.822.668	1.301.318.668
Cộng	<u>5.995.271.751</u>	<u>11.066.918.668</u>

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán đến ngày 31/12/2024 là 4.522.758.668 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.009.289.069	3.988.734.695	4.006.086.695	3.953.829.458
Công ty TNHH Trừ môi & Khử trùng Tiến Phát	725.999.470	725.999.470	725.999.470	725.999.470
Viện Nghiên cứu Bông và PTNN Nha Hồ	389.564.300	389.564.300	389.564.300	389.564.300
DNTN TM & DV Huy Hoàng	1.214.401.709	1.214.401.709	1.214.401.709	1.214.401.709
Phải thu các đối tượng khác	1.664.992.878	1.658.769.216	1.658.769.216	1.623.863.979
Phải thu BHXH nộp thừa	-	-	2.352.000	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	14.330.712	-	15.000.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	1.274.067.696	106.314.358	1.114.926.183	171.206.143
Cộng	5.283.356.765	4.095.049.053	5.121.012.878	4.125.035.601

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TMSX Minh Quân	7.541.473.586	7.541.473.586
Công ty CP SXTM San Hoàng	3.554.173.224	3.554.173.224
DNTN Huy Hoàng	1.214.401.709	1.214.401.709
Công ty TNHH Trừ môi & Khử trùng Tiến Phát	725.999.470	725.999.470
Công ty Công nghệ Gien Trung Quốc	4.165.600.000	4.165.600.000
Các đối tượng khác	6.402.711.488	6.418.583.789
Cộng	23.604.359.477	23.620.231.778

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.620.231.778	23.517.083.566
Trích lập trong năm	117.793.900	308.385.114
Hoàn nhập trong năm	(133.666.201)	(205.236.902)
Số cuối năm	23.604.359.477	23.620.231.778

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	517.745.780	-	96.500.000	-
Hàng hóa	60.471.595	-	145.808.998	-
Cộng	578.217.375	-	242.308.998	-

Nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31/12/2024 chủ yếu là vật tư, thiết bị phụ tùng thay thế hệ thống điện năng lượng mặt trời như: tấm pin, inverter,....

Hàng hóa tại ngày 31/12/2024 chủ yếu là nước uống đóng chai.

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

7. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	-	34.404.166
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.741.665	-
Chi phí trả trước khác	1.260.000	5.191.951
Cộng	14.001.665	39.596.117

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	39.596.117	1.500.000
Tăng trong năm	16.060.000	53.107.673
Phân bổ trong năm	(41.654.452)	(15.011.556)
Số dư cuối năm	14.001.665	39.596.117

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

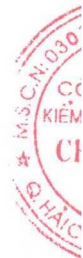
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	115.599.434	121.771.180
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.312.460	234.300.399
Chi phí tư vấn, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất thuê	420.000.000	440.000.000
Chi phí trả trước khác chờ phân bổ	72.912.796	-
Cộng	<u>746.824.690</u>	<u>796.071.579</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	796.071.579	1.255.042.744
Tăng trong năm	813.403.109	261.220.892
Phân bổ trong năm	(862.649.998)	(720.192.057)
Số dư cuối năm	<u>746.824.690</u>	<u>796.071.579</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.179.256.171	4.578.116.525	4.545.514.760	166.627.174	63.031.369.619	84.500.884.249
Phân loại lại	264.780.000	5.763.097.472	-	-	(6.027.877.472)	-
Tăng trong năm	5.149.396.349	-	2.325.840.000	35.000.000	-	7.510.236.349
- Do mua sắm	5.149.396.349	-	2.325.840.000	35.000.000	-	7.510.236.349
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	17.593.432.520	10.341.213.997	6.871.354.760	201.627.174	57.003.492.147	92.011.120.598
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.386.678.080	1.092.441.617	883.064.760	69.899.902	-	13.432.084.359
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.774.529.223	2.206.946.493	984.799.482	98.185.506	25.094.666.252	40.159.126.956
Phân loại lại	32.024.167	305.339.771	-	-	(337.363.938)	-
Khấu hao trong năm	267.486.858	1.097.519.500	771.924.999	45.156.315	8.060.011.304	10.242.098.976
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	12.074.040.248	3.609.805.764	1.756.724.481	143.341.821	32.817.313.618	50.401.225.932
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	404.726.948	2.371.170.032	3.560.715.278	68.441.668	37.936.703.367	44.341.757.293
Số cuối năm	5.519.392.272	6.731.408.233	5.114.630.279	58.285.353	24.186.178.529	41.609.894.666

(*) Là hệ thống điện năng lượng mặt trời.

- Không có TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Chi phí cấp Quyền sở hữu công trình	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.864.314.615	-	61.853.400	1.926.168.015
Tăng trong năm	-	478.613.651		478.613.651
Giảm trong năm	-		(61.853.400)	(61.853.400)
Số cuối năm	1.864.314.615	478.613.651	-	2.342.928.266
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	543.598.976	-	61.853.400	605.452.376
Khấu hao trong năm	55.312.052	-	-	55.312.052
Giảm trong năm	-	-	(61.853.400)	(61.853.400)
Số cuối năm	598.911.028	-	-	598.911.028
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.320.715.639	-	-	1.320.715.639
Số cuối năm	1.265.403.587	478.613.651	-	1.744.017.238

Quyền sử dụng đất có thời hạn gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Diện tích được cấp là 7.788,8 m². Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Sử dụng để xây dựng nhà văn phòng. Thời hạn sử dụng đến 31/12/2045.
- Chi phí đền bù đất tại Đường D2 (nay là đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TP HCM) được công nhận Quyền sử dụng đất với hình thức giao đất theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 13/02/2008 của UBND TP Hồ Chí Minh. Đất được sử dụng để xây văn phòng công ty. Thời gian giao đất là 50 năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn là Quyền sử dụng đất tại 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này gắn với căn hộ tại Tòa nhà Landmark 81, được sử dụng để làm văn phòng hoạt động của các chi nhánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Hệ thống điện, nước, PCCC, trạm biến áp...	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.203.380.304	56.239.000.196	3.816.918.218	61.259.298.718
Tăng trong năm	-	758.591.177	432.561.600	1.191.152.777
- Do XDCB hoàn thành	-	758.591.177	432.561.600	1.191.152.777
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.203.380.304	56.997.591.373	4.249.479.818	62.450.451.495
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	34.259.938	35.397.816.397	1.817.644.875	37.249.721.210
Khấu hao trong năm	34.259.940	4.708.118.663	149.114.758	4.891.493.361
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	68.519.878	40.105.935.060	1.966.759.633	42.141.214.571
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.169.120.366	20.841.183.799	1.999.273.343	24.009.577.508
Số cuối năm	1.134.860.426	16.891.656.313	2.282.720.185	20.309.236.924

Quyền sử dụng đất là chi phí đền bù đất tại Đường D2 (nay là đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TP HCM) được công nhận Quyền sử dụng đất với hình thức giao đất theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 13/02/2008 của UBND TP Hồ Chí Minh. Đất được sử dụng để xây nhà văn phòng cho thuê. Thời gian giao đất là 50 năm.

Thu nhập và chi phí liên quan đến dịch vụ cho thuê bất động sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ dịch vụ cho thuê	25.824.625.692	24.640.287.866
Giá vốn dịch vụ cho thuê	5.456.190.021	5.174.978.335
Lãi gộp dịch vụ cho thuê	20.368.435.671	19.465.309.531

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	28.000.000	5.600.010.000	(5.628.010.000)	
- Căn hộ Landmark	28.000.000	5.600.010.000	(5.628.010.000)	
Xây dựng cơ bản dở dang	16.073.068.537	5.824.789.626	(1.191.152.777)	20.706.705.386
- Chi phí xây dựng tòa nhà Ung Văn Khiêm	11.759.027.039	3.757.196.387	-	15.516.223.426
- Hệ thống xử lý nước, khí thải	-	1.191.152.777	(1.191.152.777)	-
- Dự án Công nghệ sinh học (*)	2.238.168.619	-	-	2.238.168.619
- Căn hộ chung cư (**)	1.884.492.879	-	-	1.884.492.879
- Công trình khác	191.380.000	876.440.462	-	1.067.820.462
Cộng	16.101.068.537	11.424.799.626	(6.819.162.777)	20.706.705.386

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*) Dự án Công nghệ sinh học thực hiện từ giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước với số tiền: 2.238.168.619 đồng được thực hiện từ nguồn vốn của công ty và một phần được Ngân sách cấp để thực hiện nhưng do chưa có nghiệm thu của Hội đồng khoa học theo quy định nên chưa hoàn thiện các hồ sơ liên quan để quyết toán dự án hoàn thành. Số dư nguồn vốn đầu tư XDCB tại ngày 31/12/2024 là 4.965.470.399 đồng. (Xem Thuyết minh V.21)

(**) Căn hộ chung cư Carina hiện nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục pháp lý nên chưa bàn giao và chưa chuyển nhượng được.

12. Đầu tư tài chính**a. Ngắn hạn**

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng CP	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng CP	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	1.030.000	27.309.060.717	(3.199.690.251)	24.166.000.000	180.000	3.318.552.720	(2.952.000)	3.451.500.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	-	-	-	-	50.000	903.222.000	-	932.500.000
- Công ty CP Vinhomes (VHM)	360.000	15.431.622.127	(1.031.622.127)	14.400.000.000	10.000	402.221.520	-	432.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)	-	-	-	-	50.000	926.240.400	-	967.500.000
- Công ty CP Phát triển BĐS Phát Đạt (PDR)	-	-	-	-	20.000	521.416.800	-	557.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí VN (POW)	100.000	1.241.240.000	(41.240.000)	1.200.000.000	50.000	565.452.000	(2.952.000)	562.500.000
- Công ty CP ĐT KT Hạ tầng TP HCM (CII)	60.000	1.109.887.200	(272.887.200)	837.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Thành Thành Công (SBT)	100.000	1.253.370.466	-	1.310.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Vincomretail (VRE)	260.000	5.606.886.924	(1.147.886.924)	4.459.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Tập đoàn C.E.O (CEO)	100.000	1.800.189.000	(480.189.000)	1.320.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP CK Sài Gòn - Hà nội (SHS)	50.000	865.865.000	(225.865.000)	640.000.000	-	-	-	-
Cộng	1.030.000	27.309.060.717	(3.199.690.251)	24.166.000.000	180.000	3.318.552.720	(2.952.000)	3.451.500.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu được Công ty xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 của các cổ phiếu trên tại các Sở giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HoSE và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - HNX).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết	6.524.366.514	(2.779.541.555)	3.744.824.959	6.524.366.514	(2.690.571.178)	3.833.795.336
- Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	6.524.366.514	(2.779.541.555)	3.744.824.959	6.524.366.514	(2.690.571.178)	3.833.795.336
Đầu tư vào đơn vị khác	2.189.483.647	-	-	2.189.483.647	-	-
- Công ty CP Sợi Phú Việt	764.583.647	-	-	764.583.647	-	-
- Công ty CP Sợi Phú Nam	995.090.000	-	-	995.090.000	-	-
- Công ty CP Sợi Phú Mai	429.810.000	-	-	429.810.000	-	-
Cộng	8.713.850.161	(2.779.541.555)	3.744.824.959	8.713.850.161	(2.690.571.178)	3.833.795.336

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định bằng cách lấy giá gốc khoản đầu tư trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

Đối với các khoản đầu tư khác: Do các công ty đầu tư trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của các công ty liên kết.

Dự phòng các khoản đầu tư vào đơn vị khác được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của các công ty được đầu tư. Tại ngày 31/12/2024, các công ty này hoạt động kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn nên không trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thông tin bổ sung**

Tình hình hoạt động	31/12/2024			01/01/2024			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	
Đầu tư vào Công ty liên kết							
- Công ty CP Bông và KĐTH Miền Trung	Tạm ngưng hoạt động	45.500	49,81%	49,81%	45.500	49,81%	49,81%
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Công ty CP Sợi Phú Việt	Đang hoạt động	124.112	1,77%	1,77%	124.112	1,77%	1,77%
- Công ty CP Sợi Phú Nam	Đang hoạt động	128.941	2,80%	2,80%	128.941	2,80%	2,80%
- Công ty CP Sợi Phú Mai	Đang hoạt động	53.714	0,96%	0,96%	53.714	0,96%	0,96%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.950.000	159.120.000
- Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	4.950.000	4.950.000
- Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	-	154.170.000
Phải trả các người bán khác	719.385.863	597.476.356
- Công ty Sông Gianh	130.522.642	130.522.642
- Công ty TNHH Xây dựng PCCC NAA	-	81.028.052
- Công ty TNHH SX ĐT Tân Hoàng Nguyên	122.100.000	-
- Cửa hàng nông dược Phạm Hữu Long	119.800.000	119.800.000
- Các đối tượng phải trả khác	346.963.221	266.125.662
Cộng	724.335.863	756.596.356

Trong đó, công nợ quá hạn thanh toán là 255.272.642 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	239.212.490	240.736.675
- Công ty CP XNK TM Datex	227.464.237	227.464.237
- Các đối tượng khác	11.748.253	13.272.438
Cộng	239.212.490	240.736.675

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT	332.635.972	-	2.919.185.837	1.764.114.966	1.487.706.843	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	260.886.636	3.872.366.330	3.542.763.395	68.716.299	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.484.943	7.073.652	141.419.661	136.651.617	44.252.987	7.073.652
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.563.918.460	1.563.918.460	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Cộng	372.120.915	267.960.288	8.504.890.288	7.015.448.438	1.600.676.129	7.073.652

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với dịch vụ cho thuê mặt bằng và điện mặt trời thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Bắt đầu từ ngày 01/01/2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.685.761.118	20.590.050.847
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	676.070.530	(1.072.887.208)
- Các khoản điều chỉnh tăng	708.070.530	309.575.925
+ Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	88.970.377	-
+ Chi phí khấu hao Xe ô tô nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	394.147.222	57.290.278
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	152.952.931	170.285.647
+ Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	72.000.000	82.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	32.000.000	(1.382.463.133)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000.000	(407.463.133)
+ Hoàn lại chi phí thuế đất trích trước	-	(975.000.000)
Thu nhập chịu thuế	19.361.831.648	19.517.163.639
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(2.079.684.502)
Thu nhập tính thuế	19.361.831.648	17.437.479.137
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.872.366.330	3.487.495.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.872.366.330	3.487.495.827

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế đất	-	195.000.000
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(17.794.075)	-
Cộng	(17.794.075)	195.000.000

16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	264.008.565	276.988.150
Cộng	264.008.565	276.988.150

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí tiền điện	381.474.139	357.704.586
Chi phí phải trả khác	-	349.200
Cộng	<u>381.474.139</u>	<u>358.053.786</u>

18. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>509.928.667</i>	<i>374.051.067</i>
- Công ty CP Bông và KDTM Miền Trung (lãi vay)	509.928.667	374.051.067
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>4.963.012.453</i>	<i>11.197.527.969</i>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	30.607.994	30.607.994
- Kinh phí công đoàn	161.866.819	122.564.254
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.078.141.260	10.340.838.260
- Phải trả cổ phần hóa	123.027.308	123.027.308
- Tiền cổ tức phải trả	403.858.500	404.278.500
- Phải trả khác	165.510.572	176.211.653
Cộng	<u>5.472.941.120</u>	<u>11.571.579.036</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>12.386.969.200</i>	<i>-</i>
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.193.484.600	-
Cộng	<u>6.193.484.600</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các bên liên quan	1.650.000.000	1.650.000.000	2.823.502.124	2.823.502.124
- Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	-	-	1.173.502.124	1.173.502.124
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	1.650.000.000	1.650.000.000	2.823.502.124	2.823.502.124

- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung theo Hợp đồng số 05F/CTB/HĐ-2020 ngày 20/04/2020 số tiền 1.650.000.000 đồng, số tiền vay được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất vay là 0,675%/tháng. Phụ lục hợp đồng vay số 02/CTB/PLHĐ-2021 ngày 18/04/2021, phụ lục hợp đồng số 02/CTB/PLHĐ-2022 ngày 19/12/2022, phụ lục hợp đồng số 02/CTB/PLHĐ-2023 ngày 19/12/2023 và phụ lục hợp đồng số 02/CTB/PLHĐ-2024 ngày 19/12/2024 đã kéo dài thời hạn vay đến ngày 20/12/2025.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.519.289	-	-	41.519.289
Cộng	41.519.289	-	-	41.519.289

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số tại 01/01/2023	50.000.000.000	5.308.150.950	14.930.714.596	4.965.470.399	75.204.335.945
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.907.555.020	-	16.907.555.020
Trích lập các quỹ	-	-	(298.614.292)	-	(298.614.292)
Số dư tại 31/12/2023	50.000.000.000	5.308.150.950	31.539.655.324	4.965.470.399	91.813.276.673
Số dư tại 01/01/2024	50.000.000.000	5.308.150.950	31.539.655.324	4.965.470.399	91.813.276.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.831.188.863	-	14.831.188.863
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	50.000.000.000	5.308.150.950	46.370.844.187	4.965.470.399	106.644.465.536

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Ông Trương Văn Dũng	89,92%	44.958.000.000	89,92%	44.958.000.000
Các cổ đông khác	10,08%	5.042.000.000	10,08%	5.042.000.000
Cộng	100%	50.000.000.000	100%	50.000.000.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	31.539.655.324	14.930.714.596
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	14.831.188.863	16.907.555.020
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(298.614.292)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(298.614.292)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	46.370.844.187	31.539.655.324

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.729.698.023	49.378.345.344
+ Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	67.838.890	-
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.253.120.007	25.152.544.582
+ Doanh thu bán điện	24.408.739.126	24.225.800.762
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.729.698.023	49.378.345.344

1b. Doanh thu với các bên liên quan

Không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với bên liên quan

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	61.848.407	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.373.538.816	5.677.152.074
Giá vốn bán điện	14.899.374.703	14.301.040.236
Cộng	21.334.761.926	19.978.192.310

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	1.839.038.791	34.278.480
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.396.034	16.746.764
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000.000	407.463.133
Cộng	1.878.434.825	458.488.377

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	212.364.200	1.274.126.424
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	98.066.320	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	88.970.377	1.740.413
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.196.738.251	2.952.000
Phí lưu ký, phí bán chứng khoán	26.076.900	349.200
Cộng	<u>3.622.216.048</u>	<u>1.279.168.037</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.472.451	82.526.816
Cộng	<u>275.472.451</u>	<u>82.526.816</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý	163.375.906	-
Chi phí nhân viên quản lý	4.439.689.531	4.141.607.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.862.872	740.242.917
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(15.872.301)	103.148.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.836.320	530.460.734
Chi phí bằng tiền khác	2.335.472.488	2.116.493.648
Cộng	<u>8.812.364.816</u>	<u>7.631.952.604</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hợp đồng do trả trước hạn	271.000.000	-
Thưởng doanh số mua hàng	-	3.059.000
Các khoản thu nhập khác	4.396.442	380.964
Cộng	<u>275.396.442</u>	<u>3.439.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do thanh lý TSCĐ	-	108.097.424
Các khoản phạt	111.345.653	170.200.812
Chi phí khác	41.607.278	84.835
Cộng	<u>152.952.931</u>	<u>278.383.071</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.831.188.863	16.907.555.020
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	14.831.188.863	16.907.555.020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>2.966</u>	<u>3.382</u>

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ-BVN ngày 23/04/2024 đã quyết định không trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 và năm nay công ty cũng không tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.831.188.863	16.907.555.020
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.831.188.863	16.907.555.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.966</u>	<u>3.382</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.375.906	-
Chi phí nhân công	4.439.689.531	4.141.607.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.188.904.389	13.979.266.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.249.180.773	7.352.155.888
Chi phí khác bằng tiền	2.335.472.488	2.116.493.648
Cộng	<u>30.376.623.087</u>	<u>27.589.523.518</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

Không có tiền thu từ đi vay theo các kế ước thông thường

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(1.173.502.124)	(20.010.000.000)
Cộng	<u>(1.173.502.124)</u>	<u>(20.010.000.000)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trương Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	337.243.264	48.000.000	-	385.243.264
2	Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	297.790.000	24.000.000	-	321.790.000
3	Trương Thị Dung	Thành viên HĐQT		24.000.000	-	24.000.000
4	Trần Nguyên Dương	Trưởng Ban kiểm soát		48.000.000	-	48.000.000
5	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên BKS	112.731.860	12.000.000	-	124.731.860
6	Nguyễn Tấn Văn	P.Tổng Giám đốc	274.836.667		-	274.836.667
7	Lê Xuân Hòa	Kế toán trưởng	268.466.480		-	268.466.480
	Tổng cộng		1.291.068.271	156.000.000	-	1.447.068.271

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2023			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trương Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	328.191.200	48.000.000	-	376.191.200
2	Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	125.510.000	24.000.000	-	149.510.000
3	Trương Thị Dung	Thành viên HĐQT		24.000.000	-	24.000.000
4	Trần Nguyên Dương	Trưởng Ban kiểm soát		48.000.000	-	48.000.000
5	Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên BKS	108.939.200	12.000.000	-	120.939.200
6	Nguyễn Tấn Văn	P.Tổng Giám đốc	274.108.000	-	-	274.108.000
7	Lê Xuân Hòa	Kế toán trưởng	261.414.000	-	-	261.414.000
	Tổng cộng		1.098.162.400	156.000.000	-	1.254.162.400

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung

Công ty liên kết

Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An

Được điều hành bởi cá nhân có quan hệ thân thuộc

Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk

Được điều hành bởi cá nhân có quan hệ thân thuộc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	135.877.600	135.506.300
- Chi phí lãi vay	135.877.600	135.506.300
Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	-	142.749.998
- Mua hàng, dịch vụ	-	142.749.998
Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	1.249.988.724	76.307.824
- Trả nợ vay ngắn hạn	1.173.502.124	-
- Chi phí lãi vay	76.486.600	76.307.824

Số dư với các bên liên quan khác:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	2.164.878.667	2.029.001.067
- Vay ngắn hạn phải trả	1.650.000.000	1.650.000.000
- Chi phí lãi vay phải trả	509.928.667	374.051.067
- Phải trả người bán	4.950.000	4.950.000
Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An	3.059.000	154.170.000
- Trả trước cho người bán	3.059.000	-
- Phải trả người bán	-	154.170.000
Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk	-	1.173.502.124
- Vay ngắn hạn phải trả	-	1.173.502.124

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

69/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**2. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Điện mặt trời	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	67.838.890	26.253.120.007	24.408.739.126	-	50.729.698.023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.838.890	26.253.120.007	24.408.739.126	-	50.729.698.023
Giá vốn bộ phận	61.848.407	6.373.538.816	14.899.374.703	-	21.334.761.926
Lợi nhuận gộp bộ phận	5.990.483	19.879.581.191	9.509.364.423	-	29.394.936.097
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	25.152.544.582	24.225.800.762	-	49.378.345.344
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	25.152.544.582	24.225.800.762	-	49.378.345.344
Giá vốn bộ phận	-	5.677.152.074	14.301.040.236	-	19.978.192.310
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	19.475.392.508	9.924.760.526	-	29.400.153.034

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

60/1/3 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ-BVN ngày 23/04/2024 đã quyết định không trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu so sánh trên BCTC	Số liệu so sánh trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.314	3.382	68
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.314	3.382	68

4. Vấn đề khác

Tất cả các hoạt động liên quan của Công ty đều do Chủ tịch HĐQT và các Phó Tổng Giám đốc công ty quản lý và điều hành. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025


LÊ XUÂN HÒA
Người lập biểu


LÊ XUÂN HÒA
Kế toán trưởng


TRƯƠNG VĂN DŨNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

